TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 8 - 2023
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Vy và bà Cái Diệu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trần Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Trương Thị Thùy L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 3 năm 2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Lê Văn C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Trương Thị Thùy L có tự nguyện tìm hiểu và cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống với nhau từ năm 1991, cho đến ngày 06/8/2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 25 năm, đến năm 2017 thì đã nảy sinh mâu thuẫn, sau đó mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh đập và xúc phạm nhau. Anh C và chị L sống ly thân

từ đầu năm 2021 cho đến nay. Quá trình ly thân không còn quan tâm gì nhau, cuộc sống của ai tự người đó lo liệu. Nguyên nhân là do chị Trương Thị Thùy L không quan tâm chăm sóc gia đình, không chăm lo con, công việc gia đình. Mọi công việc đều giao khoán cho Anh C nên anh rất áp lực. Anh C nhiều lần khuyên can nhưng chị L không thay đổi. Anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Trương Thị Thùy L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trương Thị Thùy L.

- Về con chung: Có 04 người con chung là Lê Văn N, sinh năm 1994; Lê Văn D, sinh năm 1996, Lê Minh K, sinh năm 2003 và Lê Quốc Ư, sinh ngày 03/01/2007. Các cháu Lê Văn N, Lê Văn D và Lê Văn K đã trưởng thành, có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con. Anh C yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên là Lê Quốc Ư cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; không yêu cầu chị Trương Thị Thùy L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023 và tại phiên tòa bị đơn là chị Trương Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thùy L và anh Lê Văn C có tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và chung sống với nhau từ năm 1991. Đến ngày 06/8/2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau đến nay 32 năm. Năm 2021, vợ chồng có phát sinh mâu thuẩn, chị L có bỏ nhà vào làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh khoảng 04 tháng. Sau đó trở về thì Anh C không cho chị L ăn chung, sống chung và có đuổi chị L nên hai người hiện sống ly thân.

Năm 2022, chị L có bắt gặp Anh C đi với người phụ nữ khác và có lời chửi bới xúc phạm người phụ nữ trên. Anh C cho rằng do chị L nên làm ảnh hưởng uy tín của anh nên Anh C cũng có lời nói xúc phạm chị L.

Ngoài ra, anh Lê Văn C nghi ngờ tôi có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên Anh C không quan tâm, chăm sóc gì chị L. Trước đây chị L có bán quán tại nhà nhưng vợ chồng mâu thuẩn nên chị L không bán quán nữa, hiện chị đi làm phụ thợ xây dựng nên phải đi sớm, về muộn và đi làm nhiều nơi.

Chị L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẩn nhưng chị vẫn còn tình cảm với anh Lê Văn C nên mong muốn Tòa án giải quyết cho chị và Anh C đoàn tụ, xây dựng lại hạnh phúc, lo cho con cái.

Về con chung: Có 04 người con chung như Anh C trình bày; các con chung gồm Lê Văn N, Lê Văn D và Lê Văn K đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con. Đối với người con chung Lê Quốc Ư chị L yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ưng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Lê Văn C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Văn C, anh Lê Văn C được ly hôn chị Trương Thị Thùy L; về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao người con chung là Lê Quốc Ư, sinh ngày 03/01/2007 cho anh Lê Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là anh Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng anh Lê Văn C theo đúng quy định.

[2]Về nội dung.

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn C và chị Trương Thị Thùy L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế nên quan hệ hôn nhân giữa Anh C và chị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình hôn nhân giữa anh Lê Văn C và chị Trương Thị Thùy L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vả, xúc phạm nhau. Từ năm 2021 cho đến nay Anh C và chị L sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Điều đó thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn C và chị Trương Thị Thùy L và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng đồng xét xử xét

thấy yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn C là có căn cứ nên chấp nhận; không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của chị Trương Thị Thùy L.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn C và chị Trương Thị Thùy L có 04 người con chung là Lê Văn N, sinh năm 1994; Lê Văn D, sinh năm 1996, Lê Minh K, sinh năm 2003 và Lê Quốc Ư, sinh ngày 03/01/2007. Các con chung gồm Lê Văn N, Lê Văn D và Lê Văn K đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với người con chung chưa thành niên là Lê Quốc Ư, cả Anh C và chị L đều có yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét đặc thù công việc của chị L phải đi làm cả ngày và đi nhiều nơi; Anh C làm nghề mộc tại nhà nên có thời gian chăm sóc cho con cái nhiều hơn. Mặt khác, cháu Ưng cũng có nguyện vọng muốn sống với Anh C. Do đó, cần giao cháu Lê Quốc Ư cho Lê Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; chị Trương Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn C được ly hôn chị Trương Thị Thùy L.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao người con chung là Lê Quốc Ư, sinh ngày 03/01/2007 cho anh Lê Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Trương Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trương Thị Thùy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0007008 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P; Anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã L, Huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân Cầm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**